

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 11-A./2024/NQ-HĐQT ngày 19/8/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm Vi Và Đối Tượng Áp Dụng

- Quy chế công bố thông tin này (“**Quy Chế**”) quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate (sau đây viết tắt là “**Công Ty**”) với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện báo cáo, công bố thông tin và trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các phòng ban và cá nhân thuộc Công Ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.
- Đối tượng áp dụng: Quy Chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.

Điều 2. Định Nghĩa

- Trong Quy Chế này, các từ, cụm từ viết hoa dưới đây được hiểu như sau:
 - “**Báo Cáo Thường Niên**” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công Ty theo mẫu quy định tại Phụ Lục IV Thông tư 96.
 - “**Bộ Phận Đầu Mối**” nghĩa là Phòng Quan hệ Cổ đông, Phòng Tài chính, và Phòng Kế toán của Công Ty.
 - “**Cổ Đông Lớn**” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.
 - “**Công Bố Thông Tin Định Kỳ**” là việc Công Ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật.
 - “**Công Bố Thông Tin Bất Thường**” là việc Công Ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường được quy định tại Điều 120.2 Luật Chứng Khoán và Điều 11 Thông Tư 96.
 - “**Công Bố Thông Tin Theo Yêu Cầu**” là việc Công Ty công bố thông tin khi có yêu cầu của UBCKNN hoặc theo yêu cầu của SGDCN nơi cổ phiếu của Công Ty được đăng ký giao dịch hoặc theo yêu cầu của công ty con của Công Ty.
 - “**Công Ty**” nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn Golden Gate
 - “**Điều Lệ**” là Điều lệ của Công Ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
 - “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

- j. **“Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
- k. **“Người Thực Hiện Công Bố Thông Tin”** gồm người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin như được quy định trong Điều 5 Quy Chế này.
- l. **“Người Nội Bộ Công Ty”** bao gồm:
- (i) Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Người đại diện theo pháp luật;
 - (iii) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - (iv) Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát;
 - (v) Thư ký Công Ty, người phụ trách quản trị Công Ty; và
 - (vi) Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin.
- m. **“Người Có Liên Quan”** là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng Khoán, bao gồm:
- (i) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
 - (ii) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
 - (iii) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công Ty thông qua sở hữu, nắm giữ cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công Ty;
 - (iv) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên của Công Ty;
 - (v) Vợ, chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công Ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - (vi) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của Công Ty, tổ chức quy định tại các điểm (i) đến (iii) của Điều 2.1.(m) này;
 - (vii) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm (i) đến (vi) của Điều 2.1.(m) này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công Ty;
 - (viii) Công Ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công Ty;
 - (ix) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát; và
 - (x) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia.

- n. **“Nhóm Người Có Liên Quan”** nghĩa là những người được liệt kê tại định nghĩa **“Người Có Liên Quan”** ở trên sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.
 - o. **“SGDCK”** là Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam nơi cổ phiếu của Công Ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết. Trường hợp Công ty chưa thực hiện niêm yết, việc công bố thông tin tới SGDCK không áp dụng;
 - p. **“TCTLKBTCK”** là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Trường hợp Công ty chưa thực hiện đăng ký, lưu ký cổ phiếu, việc công bố thông tin tới TCTLKBTCK không áp dụng;
 - q. **“Thông Tư 96”** là Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.
 - r. **“Tổ Chức Kiểm Toán Được Chấp Thuận”** là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng Khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
 - s. **“UBCKNN”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - t. **“Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin”** là người được người đại diện pháp luật của Công ty ủy quyền phụ trách việc công bố thông tin.
 - u. **“Người Quản Lý Công ty”** hay **“Người Quản lý Doanh nghiệp”** là người quản lý Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo Điều lệ Công ty.
2. Các từ hoặc cụm từ đã được định nghĩa trong Luật Doanh Nghiệp hoặc Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Phương Tiện Và Hình Thức Công Bố Thông Tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố sau:
 - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công Ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo quy chế của SGDCK (nếu cần thiết);
 - d. Trang thông tin điện tử của TCTLKBTCK (nếu cần thiết); và
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...) (nếu cần thiết).
2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và văn bản điện tử được ký số bởi Công Ty theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.
3. Công Ty phải lập trang thông tin điện tử (Website) của mình khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này, các chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều Lệ Công Ty, quy chế công bố thông tin, quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), quy chế hoạt động Hội đồng

quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

4. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công Ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
6. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 4. Nguyên Tắc Công Bố Thông Tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:
 - a. Công Ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công Ty phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - b. Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm căn cước công dân, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% Vốn Điều Lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Khi Công Ty công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK hai (2) bản tài liệu, trong đó một (1) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và một (1) bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.
3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.
4. Việc công bố thông tin của Công Ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 5 Quy Chế này.
5. Công Ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:
 - a. Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu mười (10) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công Ty tối thiểu là năm (5) năm;
 - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công Ty tối thiểu là năm (5) năm.

Điều 5. Người Thực Hiện Công Bố Thông Tin

Công Ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua một (1) người đại diện theo pháp luật hoặc một (1) cá nhân là Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin:

1. Tổng Giám đốc với tư cách là người đại diện theo pháp luật có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc phê duyệt và công bố thông tin. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin đều vắng mặt thì việc công bố thông tin sẽ do một người được ủy quyền khác thay thế thực hiện công bố thông tin.

2. Công Ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cùng với (i) Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ Lục III Thông Tư 96 và (ii) Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ Lục I Thông Tư 96 áp dụng đối với người được ủy quyền công bố thông tin cho UBCKNN và SGDC trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 6. Quyền Hạn Và Trách Nhiệm Của Người Công Bố Thông Tin

1. Đại diện cho Công Ty trong việc thực hiện công bố thông tin của Công Ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với Quy Chế này.
2. Yêu cầu các bộ phận, phòng ban, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, báo cáo số liệu đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn;
3. Trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc, giám sát và kiểm tra Phòng Quan hệ Cổ đông lập báo cáo theo đúng quy định pháp luật;
4. Đề xuất, kiến nghị với Ban lãnh đạo Công Ty về những hoạt động liên quan đến việc báo cáo, công bố thông tin, sửa đổi, bổ sung, cập nhật Quy Chế này phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;
5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công Ty;
6. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công Ty theo quy định.

Điều 7. Phòng Quan Hệ Cổ Đông

Phòng Quan Hệ Cổ Đông có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận, phòng ban, cá nhân có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin, chuyển cho Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin và Giám Đốc Tài Chính thẩm định và sau đó trình Tổng Giám đốc chấp thuận (nếu cần thiết) thông qua.

1. Trách nhiệm của Phòng Quan Hệ Cổ Đông:
 - a. Thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều này đầy đủ, chính xác, kịp thời;
 - b. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc hoặc Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin trong công việc, nhiệm vụ được giao liên quan đến công việc công bố thông tin.

Điều 8. Tạm Hoãn Công Bố Thông Tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác). Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin lập văn bản trình Tổng Giám đốc ký và gửi báo cáo UBCKNN, SGDC về

việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công Ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GOLDEN GATE

Điều 9. Các Trường Hợp Công Bố Thông Tin

1. Công Bố Thông Tin Định Kỳ.
2. Công Bố Thông Tin Bất Thường.
3. Công Bố Thông Tin Theo Yêu Cầu.
4. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công Ty

Điều 10. Công Bố Thông Tin Định Kỳ:

1. Công Ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Tổ Chức Kiểm Toán Được Chấp Thuận theo nguyên tắc sau:
 - a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - (i) Trường hợp Công Ty là công ty mẹ của tổ chức khác, Công Ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - (ii) Trường hợp Công Ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - (iii) Trường hợp Công Ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công Ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;
 - b. Công Ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công Ty trong trường hợp Tổ Chức Kiểm Toán Được Chấp Thuận đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;
 - c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm
Công Ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Tổ Chức Kiểm Toán Được Chấp Thuận ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Báo Cáo Thường Niên:
Công Ty phải lập và công bố Báo Cáo Thường Niên theo mẫu được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông Tư 96 trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá một trăm mười (110) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong Báo Cáo Thường Niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị Công Ty:

Công Ty phải lập và công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công Ty theo Phụ lục V kèm theo Thông Tư 96 trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc kể từ ngày kết thúc sáu (6) tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- a. Tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết; các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có); và

- b. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn được quy định trong Điều 11.1(c) Thông Tư 96.

Điều 11. Công Bố Thông Tin Bất Thường

1. Công Ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a. Tài khoản của Công Ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công Ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản);
- d. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công Ty hoặc bán cổ phiếu quỹ các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định pháp luật về doanh nghiệp; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
- e. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- f. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, tên Công Ty, con dấu của Công Ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều Lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

- g. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc huỷ hợp đồng đã kiểm toán;
 - h. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
 - i. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với Người Nội Bộ Công Ty hoặc Người Có Liên Quan của Người Nội Bộ Công Ty hoặc Người Có Liên Quan của Công Ty;
 - j. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - (i) Nếu Công Ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công Ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - (ii) Nếu Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công Ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - (iii) Nếu Công Ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công Ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công Ty công bố thông tin trong thời hạn mười (10) ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;
 - k. Khi Công Ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người Nội Bộ Công Ty; nhận được đơn xin từ chức của Người Nội Bộ Công Ty (Công Ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty). Đồng thời, Công Ty gửi cho UBCKNN, SGDCB Bản cung cấp thông tin của Người Nội Bộ Công Ty mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông Tư 96;
 - l. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công Ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính sáu (6) tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công Ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;
 - m. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công Ty, Người Nội Bộ Công Ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người Nội Bộ Công Ty;
 - n. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công Ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
 - o. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
 - p. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công Ty.
 - q. Công Ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
 - a. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 10.4 Quy Chế này;
 - b. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.
4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
 - a. Công Ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu mười (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
 - b. Công Ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công Ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Điều 10.1, các Điều 14.2 và 14.3 Thông Tư 96.
5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như thay đổi kỳ kế toán,. Công Ty phải công bố thông tin báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa hai (2) kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 12. Công Bố Thông Tin Theo Yêu Cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công Ty phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
 - b. Có thông tin liên quan đến Công Ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công Ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công Bố Thông Tin Về Các Hoạt Động Khác Của Công Ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công Ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.
2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công Ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công Ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công Ty, SGDCK, TCTKBTCK và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công Ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Mục 2. CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 14. Công Bố Thông Tin Về Sở Hữu Cổ Phiếu Của Cổ Đông Lớn, Nhóm Người Có Liên Quan

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là Cổ Đông Lớn của Công Ty hoặc Nhóm Người Có Liên Quan, UBCKNN và SGDCK (đối với đăng ký giao dịch) theo mẫu được quy định tại Phụ Lục VII đính kèm Thông Tư 96 trong vòng năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là Cổ Đông Lớn của Công Ty ;
2. Cổ Đông Lớn hoặc Nhóm Người Có Liên Quan của Công Ty khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công Ty, UBCKNN và SGDCK (đối với đăng ký giao dịch) trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi theo mẫu được quy định trong Phụ Lục VIII đính kèm trong Thông Tư 96
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành Cổ Đông Lớn hoặc Nhóm Người Có Liên Quan hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 3.12 Thông Tư 96.
4. Công Ty phải, trong thời hạn ba (3) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

Điều 15. Công Bố Thông Tin Về Giao Dịch Của Người Nội Bộ Công Ty Và Người Có Liên Quan Của Người Nội Bộ Công Ty

1. Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan của Người Nội Bộ Công Ty phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) và cho Công Ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:
 - a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (3) ngày làm việc, Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu được quy định tại Phụ Lục XIII hoặc Phụ Lục XIV Thông Tư 96;

- b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK;
 - c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;
 - d. Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của Người Nội Bộ Công Ty thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;
 - e. Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông Tư 96;
 - f. Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông Tư 96 thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan.
- 2. Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông Tư 96 thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông Tư 96.
 - 3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là Người Nội Bộ Công Ty hoặc Người Có Liên Quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.
 - 4. Trường hợp Công ty chứng khoán là Người Có Liên Quan của Người Nội Bộ Công Ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, Công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDCK, Tổ Chức Đăng Ký Giao Dịch hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi;
 - 5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều Lệ Công Ty, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện giao dịch chứng khoán của Công Ty, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan.

6. Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của Người Nội Bộ Công Ty và Người Có Liên Quan theo quy định tại Điều này, Công Ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình.

Điều 16. Công Bố Thông Tin Về Giao Dịch Chào Mua Công Khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty mục tiêu phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.

Mục 3. CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 17. Đối Tượng Cung Cấp

1. Ngoại trừ việc cung cấp thông tin theo quy định tại Mục 1, Mục 2 của chương này hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Công Ty sẽ cung cấp thông tin theo đề nghị của bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào quan tâm đến thông tin của Công Ty và phải trả một khoản phí hợp lý theo quy định của Công Ty.
2. Việc cung cấp thông tin cho các đối tượng tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện nếu việc yêu cầu cung cấp thông tin không làm phương hại hoặc ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Công Ty, đồng thời tuân thủ đúng các nghĩa vụ, trách nhiệm của Công Ty (nếu có) theo quy định của pháp luật.
3. Cung cấp thông tin trong các trường hợp khác
Người có trách nhiệm công bố thông tin, trả lời phỏng vấn các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức cung cấp thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công Ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công Ty. Những trường hợp khác thì cần có sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công Ty.
4. Công bố thông tin tự nguyện
Trong những trường hợp cần thiết, Công Ty có thể thực hiện công bố một số thông tin cần thiết ngoài những thông tin bắt buộc theo quy định hiện hành như Giá trị tài sản của doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh, ... Công bố thông tin tự nguyện do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công Ty quyết định.

Điều 18. Yêu Cầu Cải Chính Thông Tin

Công Ty có quyền yêu cầu cải chính thông tin đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng sự thật, không chính xác hoặc sai lệch về Công Ty.

Chương III

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 19. Quy Trình Công Bố Thông Tin

1. **Bước 1: Chuẩn bị thông tin**
 - Vào thời điểm kết thúc quý hay kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố, báo cáo theo quy định, Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin thông báo tới phòng Quan Hệ Cổ Đông và bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố thông tin, báo cáo của Công Ty.
 - Phòng Quan Hệ Cổ Đông thực hiện tổng hợp thông tin để đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu công bố thông tin.
 -

- Trường hợp nhân viên Phòng Quan Hệ Cổ Đông vắng mặt vì bất cứ lý do gì, các bộ phận có liên quan trực tiếp nộp báo cáo Cho Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận, phòng ban liên quan cung cấp, Phòng Quan Hệ Cổ Đông phải:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;
- Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định; và
- Trình Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin và Giám Đốc Tài Chính thẩm định các nội dung.

3. Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thẩm định văn bản công bố thông tin, Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin trình Ban Lãnh Đạo (thẩm quyền phê duyệt chi tiết được xác định theo cảm nang phân quyền của Công ty trong từng thời điểm) phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4: Công bố thông tin

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về công bố thông tin và Quy Chế này.

5. Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi:

Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và đề xuất cho Tổng Giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

6. Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin:

- Các đối tượng công bố thông tin, Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin và Phòng Quan Hệ Cổ Đông thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật và phù hợp với Quy Chế này.
- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Phòng Quan Hệ Cổ Đông phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Bộ Phận Đầu Mỗi Chuẩn Bị Công Bố Thông Tin

Bộ Phận Đầu Mỗi chuẩn bị công bố thông tin của Công Ty bao gồm:

1. Phòng Tài chính, Phòng Kế toán: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính, Báo Cáo Thường Niên và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Phòng Quan hệ Cổ đông: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến cổ đông, cổ phiếu và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.
3. Phòng Tài chính, Phòng Kế toán, Phòng Quan hệ Cổ đông là những Bộ Phận Đầu Mỗi tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công Ty công bố.

Điều 21. Trách Nhiệm, Quan Hệ Giữa Các Phòng, Ban, Đơn Vị Trực Thuộc Trong Việc Cung Cấp Thông Tin

1. Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các phòng, ban, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy Chế này.
2. Trưởng các phòng, ban, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Bộ Phận Đầu Mối.
Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, trưởng các phòng, ban, đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.
3. Người Được Ủy Quyền Công Bố Thông Tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 22. Xử Lý Vi Phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công Ty có hành vi (i) vi phạm các quy định tại Quy Chế này và/hoặc (ii) vi phạm các quy định của pháp luật mà gây thiệt hại cho Công Ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng kỷ luật của Công Ty.

Điều 23. Điều Khoản Thi Hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.
2. Các phòng ban tham mưu, giúp việc, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho cán bộ nhân viên trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty chưa được đề cập trong Quy Chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy Chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công Ty.
4. Trong quá trình thực hiện Quy Chế này, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công Ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều Lệ Công Ty và các quy định có liên quan của pháp luật.
5. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung Quy Chế này sẽ do Hội đồng quản trị Công Ty xem xét, quyết định phù hợp với quy định pháp luật hiện hành./.



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Việt Trung